

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /2019/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án nhóm C thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
SỞ XÂY DỰNG THỪA THIÊN HUẾ

**CÔNG VĂN BẢN**

Số: 04/2019

Ngày 04 tháng 5 năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**KHÓA VII, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG LẦN THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định 136/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Nghị định 161/2016/NĐ-CP về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 5 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định định mức, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

*Xét Tờ trình số 2355/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án nhóm C thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án nhóm C thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, kỳ họp bất thường lần thứ 3 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2019./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và tp Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



Lê Trường Lưu



**QUY ĐỊNH**

**Nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án nhóm C thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung, định mức hỗ trợ chi phí chuẩn bị và quản lý thực hiện đối với một số dự án nhóm C thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (theo tiêu chí được quy định tại Điều 4 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2. Nội dung hỗ trợ**

1. Hỗ trợ chi phí chuẩn bị thực hiện dự án: Khảo sát xây dựng công trình (nếu có), lập hồ sơ xây dựng công trình, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình (thay cho Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

2. Hỗ trợ chi phí quản lý thực hiện dự án: Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng, thẩm tra phê duyệt quyết toán.

**Điều 3. Mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ chi phí chuẩn bị thực hiện dự án:

a) Hỗ trợ chi phí khảo sát xây dựng công trình (nếu có): Dự toán chi phí khảo sát xây dựng lập theo quy định hiện hành hoặc giá thỏa thuận, đảm bảo hợp lý và tiết kiệm (thấp hơn giá trong định mức đơn giá được quy định tại Quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán xây dựng công trình phần khảo sát xây dựng và Thông tư hướng dẫn số 01/2017/TT-BXD ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng).

b) Hỗ trợ chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình:

Mức chi phí lập hồ sơ xây dựng (thay cho Báo cáo kinh tế kỹ thuật) của Ban quản lý xã, Ban quản lý thôn (hoặc các tổ chức tương đương được Ủy ban nhân dân xã công nhận) được tính bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án theo Bảng dưới đây. Các công trình có tổng mức nằm trong khoảng của các giá trị ở Bảng dưới thì áp dụng công thức tính nội suy.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng)			
		$\leq 1$	3	7	$< 15$
1	Công trình dân dụng	5,200	3,760	3,360	2,880
2	Công trình giao thông	4,320	2,880	2,160	2,000
3	Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,960	3,520	3,120	2,880
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	4,640	3,360	2,720	2,400

Hỗ trợ chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình tối thiểu là 4 triệu đồng.

c) Hỗ trợ chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình (thay cho Báo cáo kinh tế kỹ thuật) bằng 0,019% của tổng mức đầu tư dự án, áp dụng đối với tất cả các loại công trình.

2. Hỗ trợ chi phí quản lý thực hiện dự án:

a) Hỗ trợ chi phí quản lý dự án:

Mức chi phí quản lý dự án của Ban Quản lý xã được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án, được quy định theo từng loại công trình cụ thể theo Bảng dưới đây. Các công trình có tổng mức nằm trong khoảng của các giá trị ở Bảng dưới thì áp dụng công thức tính nội suy.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng)	
		$\leq 10$	$< 15$
1	Công trình dân dụng	2,626	2,426
2	Công trình giao thông	2,349	2,171
3	Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,486	2,298
4	Công trình Hạ tầng kỹ thuật	2,210	2,043

Hỗ trợ chi phí quản lý dự án tối thiểu là 2 triệu đồng.

b) Hỗ trợ chi phí giám sát thi công xây dựng:

Mức chi phí giám sát thi công xây dựng được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong

tổng mức đầu tư xây dựng của dự án, được quy định theo từng loại công trình cụ thể theo Bảng dưới đây. Các công trình có tổng mức nằm trong khoảng của các giá trị ở Bảng dưới thì áp dụng công thức tính nội suy.

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) (tỷ đồng)	
		≤10	<15
1	Công trình dân dụng	2,628	2,455
2	Công trình giao thông	2,562	2,362
3	Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,078	1,956
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,053	1,929

Hỗ trợ chi phí giám sát thi công xây dựng tối thiểu là 2 triệu đồng.

c) Hỗ trợ phí thẩm tra phê duyệt quyết toán bằng 50% định mức chi phí quy định tại Điều 21, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Hỗ trợ phí thẩm tra phê duyệt quyết toán tối thiểu là 500.000 đồng.

**Điều 4. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2019 - 2020./.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Lưu**

